CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Ngày 30/06/2025	57,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.3%	**9.8%**	**46.4%**

DT thuần
Q2/25
625
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 111| 21.6%
YoY: ▲ 249| 66.2%

LN thuần
Q2/25
51.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.1| 37.4%
YoY: ▲ 31.6| 156%

LN sau thuế
Q2/25
41.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.60| 30.0%
YoY: ▲ 23.3| 128%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.4%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
25.5%
YoY: +/-▲ 3.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,423 - 57,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,778
Số lượng CPLH (CP)	31,129,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,193
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	1.07
EPS	5,676
P/E	10.1

DT thuần
6T 2025
1,139
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 438| 62.5%

LN thuần
6T 2025
89.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.9| 115%

LN sau thuế
6T 2025
73.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.2| 103%

Cơ cấu sở hữu

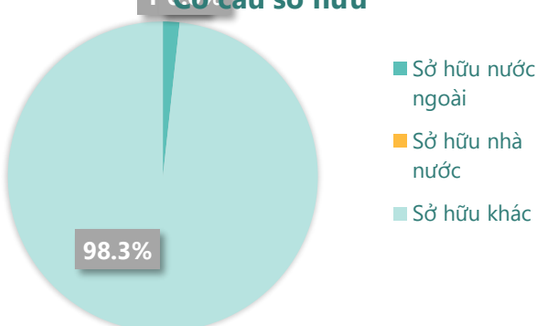

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

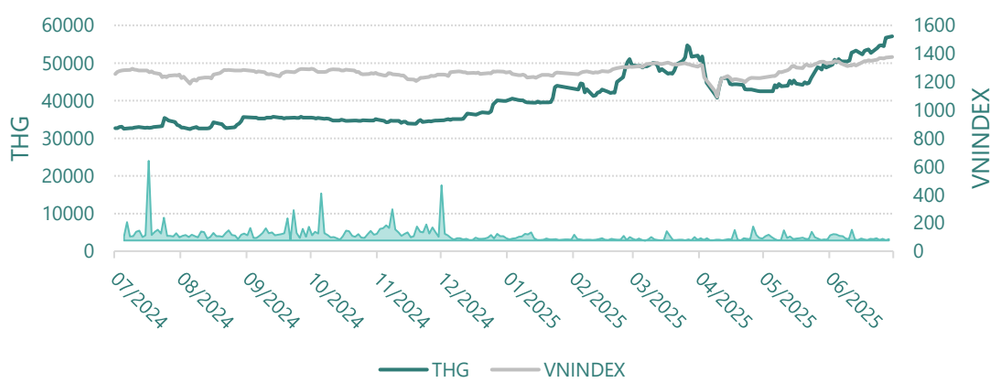

Cơ cấu cổ đông

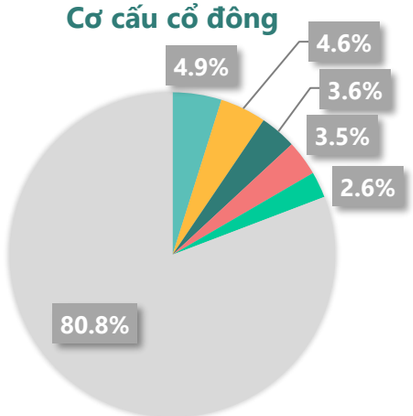

Nguyễn Thanh Nghĩa (Phó Tổng giám đốc)
Trần Hoàng Huân (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Thị Hường (Thành viên HĐQT)
Vũ Huy Giáp (Tổng giám đốc)
Nguyễn Hoài Bắc (Phó Tổng giám đốc)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

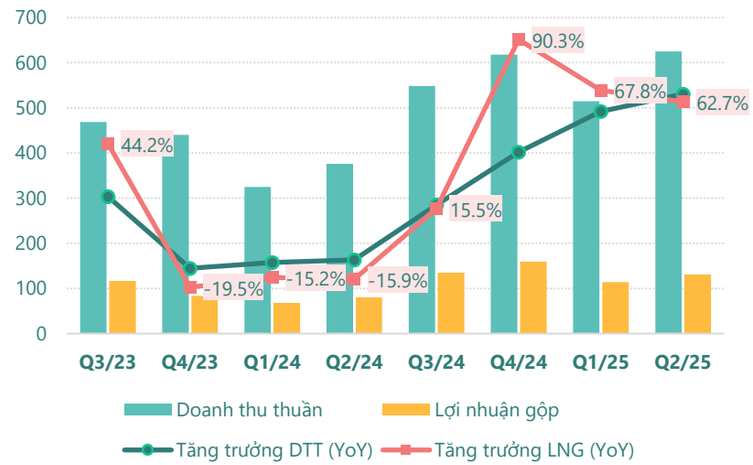

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

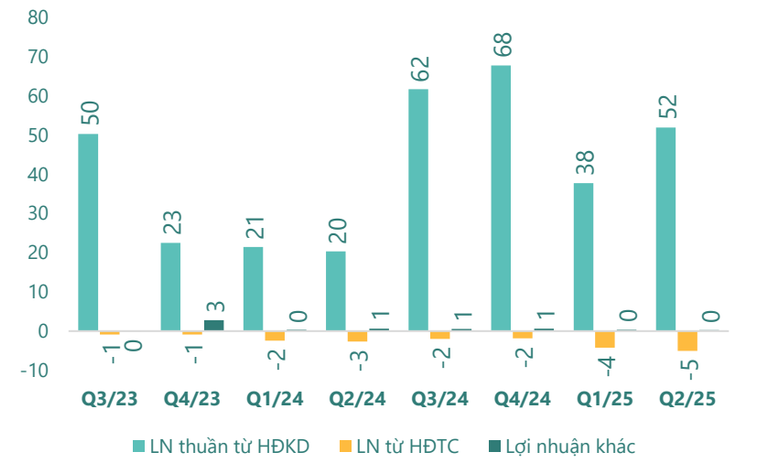

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

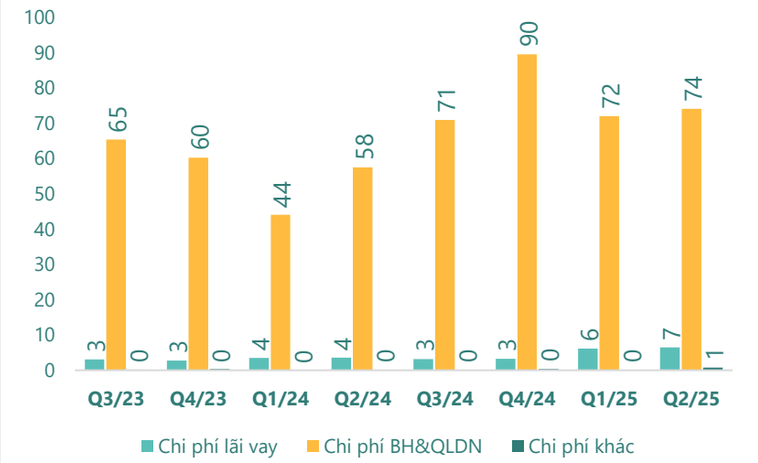

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

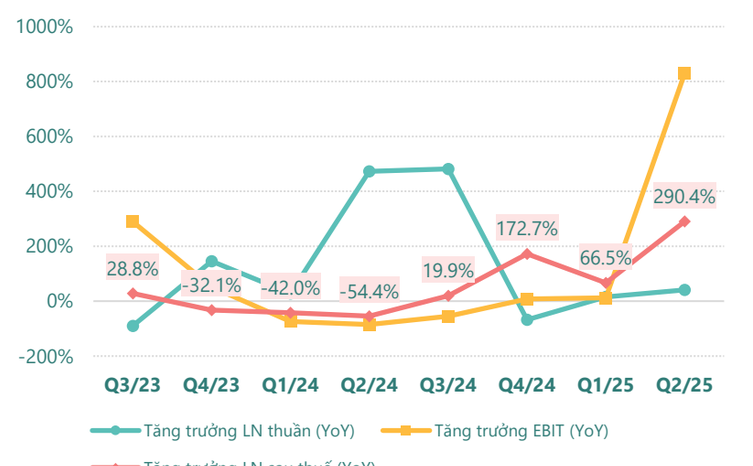

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

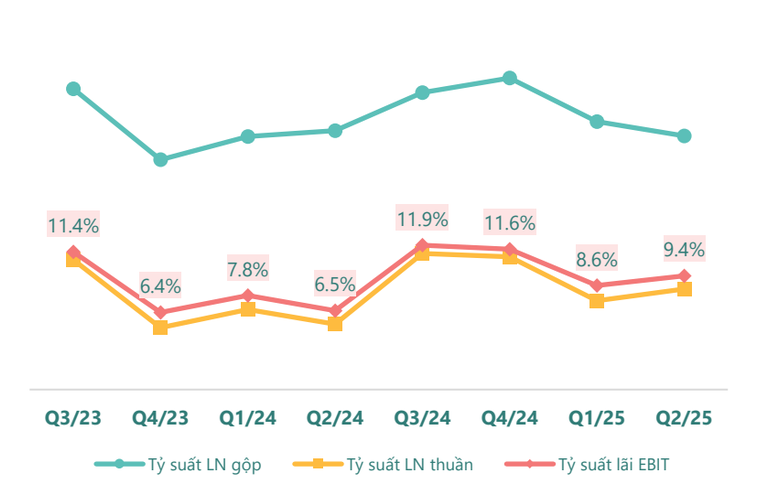

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

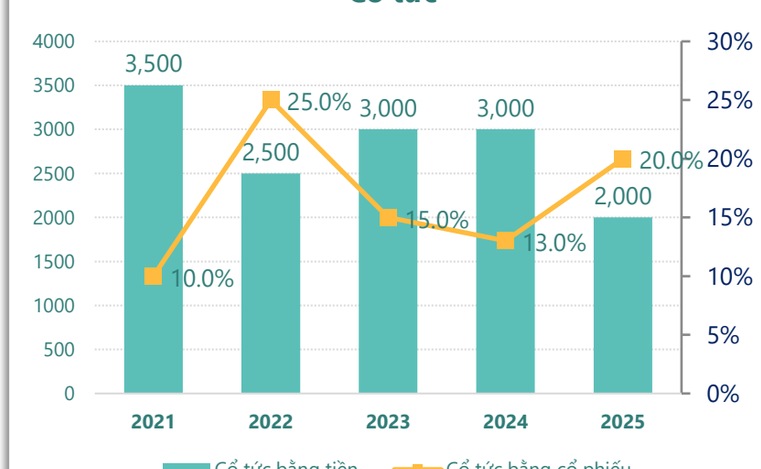

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

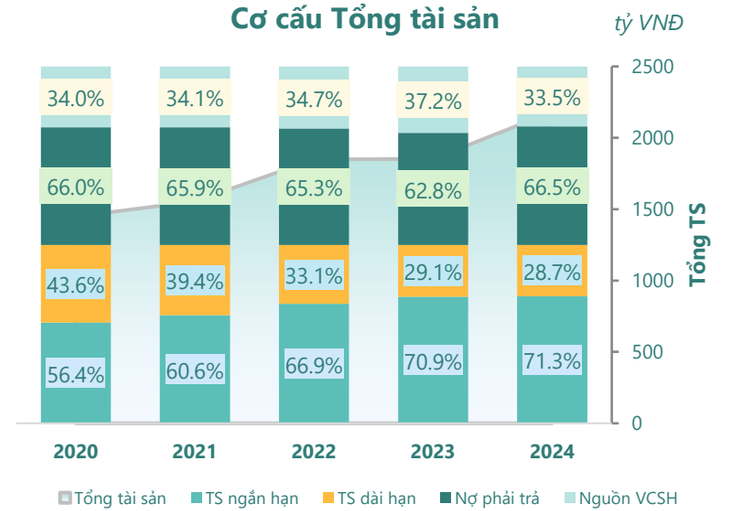

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

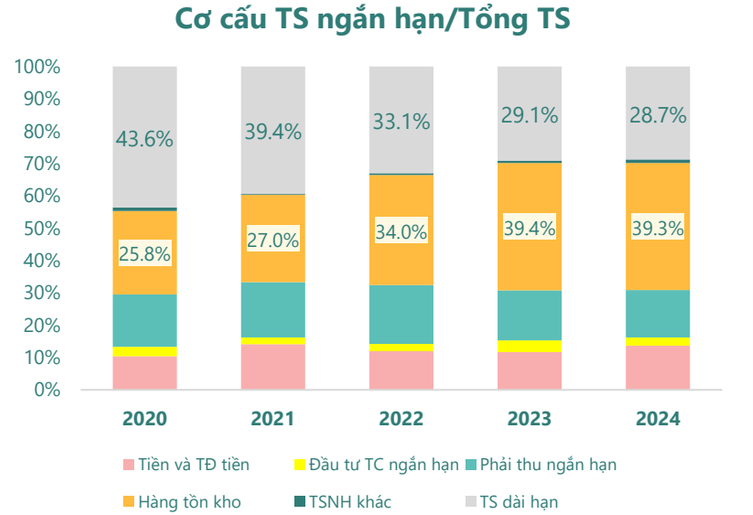

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

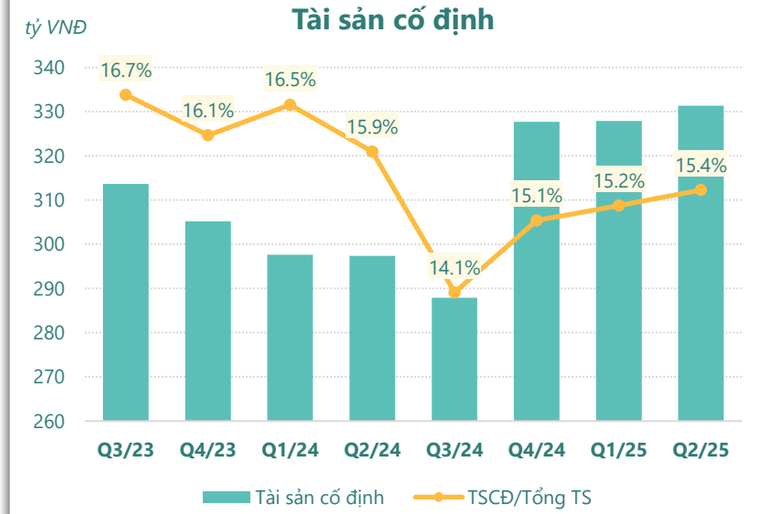

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

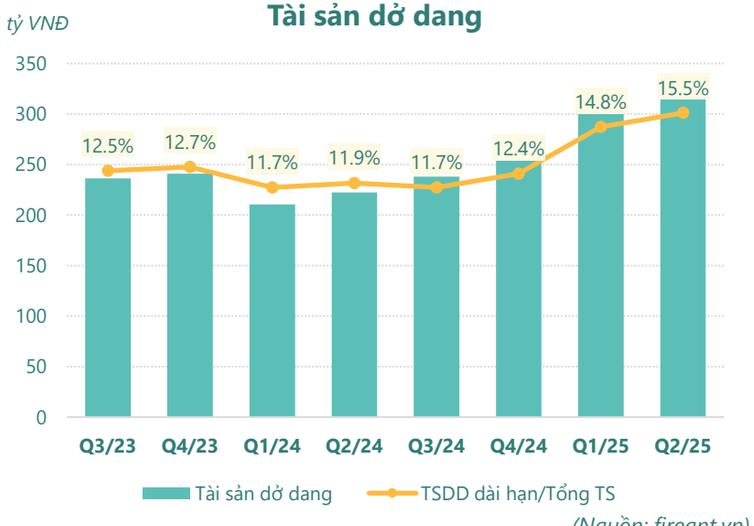

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

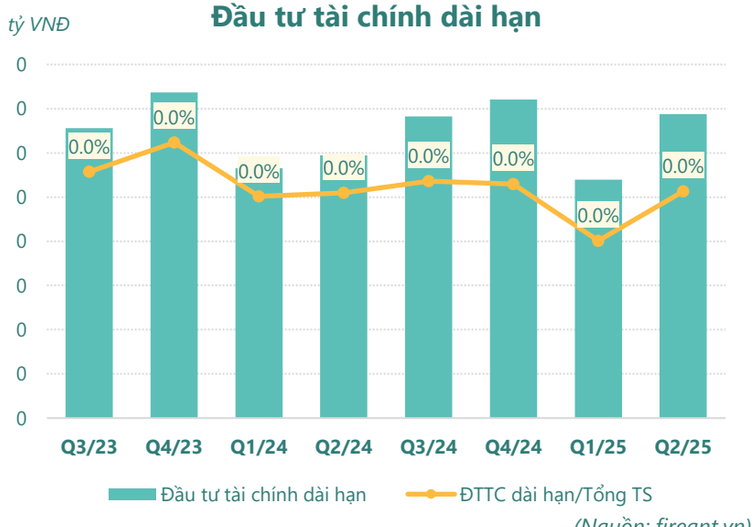

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

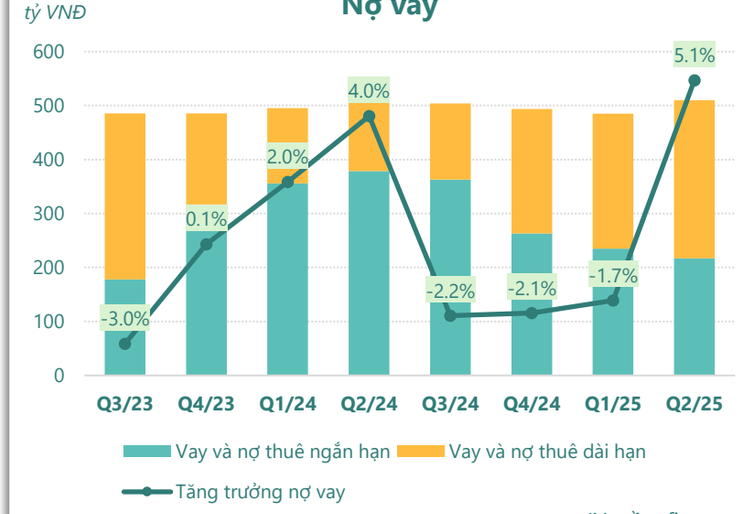

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

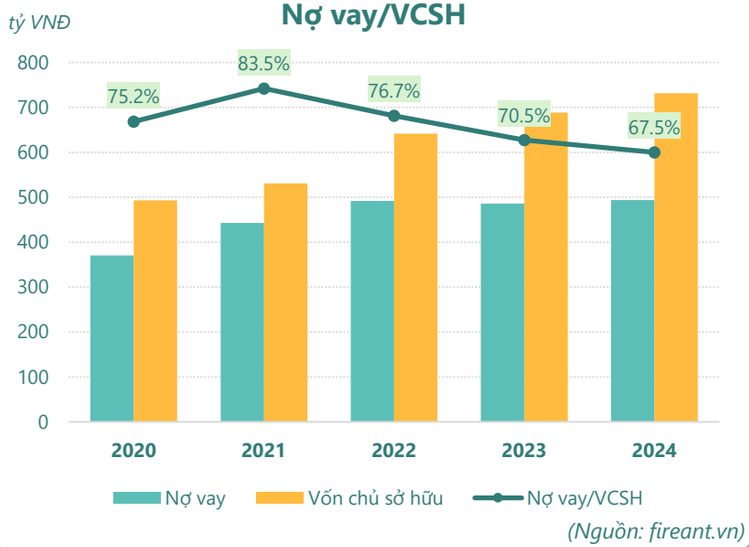

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

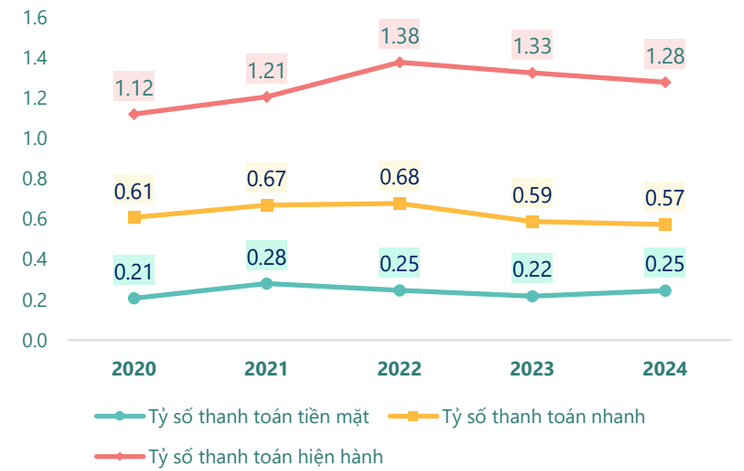

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

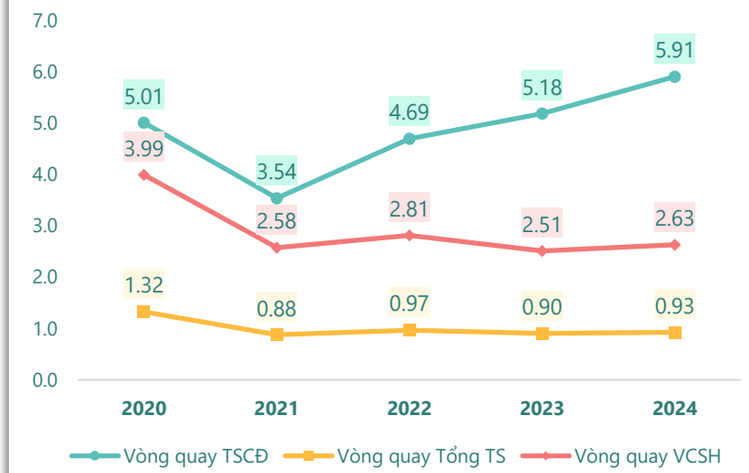

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

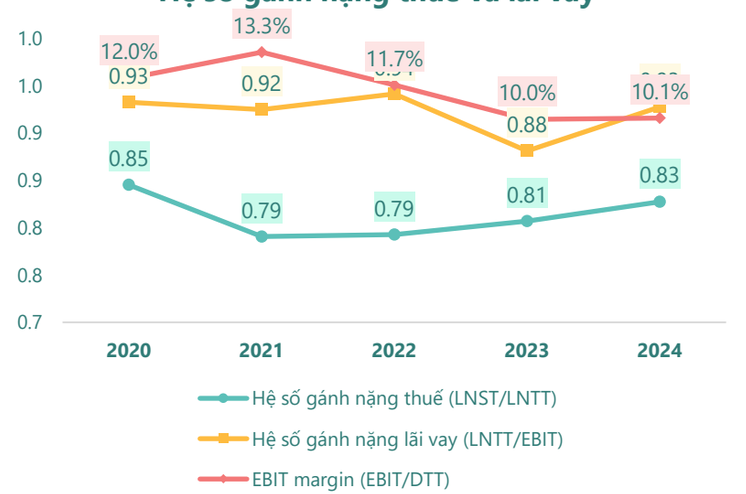

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

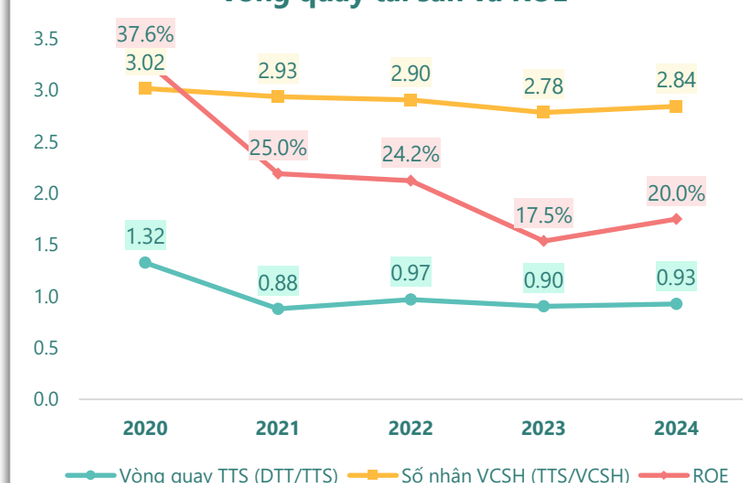

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

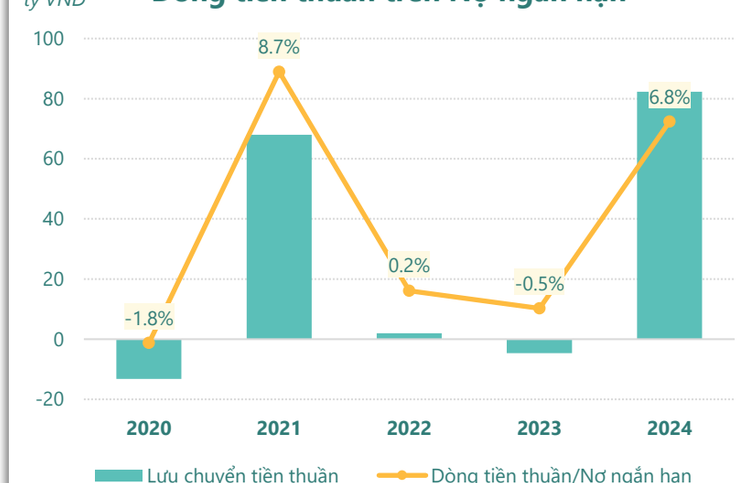

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**625**	**376**	**66.2%**	**1,139**	**701**	**62.5%**
Giá vốn hàng bán	494	296	66.8%	894	553	61.8%
Lợi nhuận gộp	131	80.5	62.7%	245	148	65.0%
Doanh thu HĐTC	1.57	1.11	41.3%	3.53	2.32	52.2%
Chi phí TC	6.60	3.76	75.5%	12.8	7.38	73.2%
Chi phí lãi vay	6.50	3.56	82.7%	12.6	7.09	78.1%
LN trong công ty LKLD	**0.06**	**0.01**	**486%**	**0.06**	**0.02**	**170%**
Chi phí bán hàng	56.0	43.6	28.5%	115	78.7	46.2%
Chi phí QLDN	**18.1**	**13.9**	**29.9%**	**31.1**	**22.9**	**35.8%**
LN thuần từ HĐKD	51.9	20.3	156%	89.7	41.8	115%
Lợi nhuận khác	**0.25**	**0.64**	**-60.2%**	**0.60**	**0.94**	**-36.2%**
LN trước thuế	52.2	21.0	149%	90.3	42.7	111%
Lợi nhuận sau thuế	**41.5**	**18.2**	**128%**	**73.3**	**36.1**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**40.6**	**17.9**	**127%**	**71.7**	**35.5**	**102%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-49.5	34.0	27.3	254	1.34	61.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.12	-13.6	-1.81	-118	-60.6	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.9	-4.19	-22.6	-20.3	-34.8	-2.48
Tiền đầu kỳ	217	149	165	168	299	205
Lưu chuyển tiền thuần	**-67.5**	**16.2**	**2.91**	**115**	**-94.1**	**42.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	149	165	168	283	205	247

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,146**	**2,182**	**-1.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,425	1,555	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	247	299	-17.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.2	54.1	-16.5%
Phải thu ngắn hạn	300	320	-6.1%
Hàng tồn kho	804	858	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	27.9	24.1	15.7%
Tài sản dài hạn	**721**	**627**	**15.0%**
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản cố định	331	327	1.3%
Bất động sản đầu tư	16.9	17.6	-4.5%
Tài sản dở dang	332	271	22.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.34	0.36	-4.6%
Tài sản dài hạn khác	**40.0**	**11.3**	**254%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,411	1,450	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**1,062**	**1,215**	**-12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	217	264	-17.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	434	451	-3.7%
Nợ dài hạn	349	235	48.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	293	230	27.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**735**	**731**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**735**	**731**	**0.5%**
Vốn điều lệ	311	259	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)